

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **2217/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/11/2019
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1661/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 254/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N M T- sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 226/6 Đường N V Đ, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà L M N D- sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 226/6 Đường N V Đ, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án nguyên đơn là ông N M T trình bày: Ông và bà L M N D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018, giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/4/2018.

Quá trình chung sống giữa ông và bà Dsau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn do bà Dkhông tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng vì vậy mà hai vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2018 đến nay. Quá trình chung sống có một con chung là Nguyễn Minh Ngọc Anh. Từ cuối năm 2018, bà Dđã tự ý mang con đi đâu không rõ, ông T không liên hệ được và cũng không được gặp con. Ông và bà Dđã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho

cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T xin ly hôn với bà D để ổn định cuộc sống.

Về tài sản: Ông T xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông T nộp.

Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn là bà L M N D: Bà D đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn sự không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện của ông N M T đối với bà L M N D có HKTT tại 226/6 Phan Văn Trị, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Công an Phường 11, quận Bình Thạnh thể hiện: “bà L M N D có HKTT tại 226/6 Phan Văn Trị, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 11/2018, đi đâu không rõ”. Như vậy, bà D đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới, theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HDTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn là số 226/6 Đường N V Đ, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà L M N D đã được tổng đặt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ

luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử vụ án vắng mặt bà Duy.

Bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của ông N M T về việc xin ly hôn với bà L M N D, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/4/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Bình Thạnh thì bà D hiện không con chung sống cùng với ông T.

Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà D không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay. Điều đó cho thấy bà D không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng, chăm sóc con cái và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” thì mục đích hôn nhân mới đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T với bà D là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của ông T về việc giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ trích lục khai sinh số 342/TLKS do ủy ban nhân dân Phường X, quận BT cấp ngày 04/5/2019 thì ông T và bà D có 01 con chung là Nguyễn Minh Ngọc A sinh ngày 04/7/2018.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ bổ sung của Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT thì Nguyễn Minh Ngọc A sinh ngày 04/7/2018 hiện đang sinh sống cùng mẹ là bà D và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà D không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con nên cần giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, bà D cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông T và không xem xét thêm.

[3.3]. Về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông T và không xem xét thêm.

[3.4]. Về án phí: Án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông T phải nộp.

Đối với phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng và phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N M T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông N M T được ly hôn với bà L M N D.

2. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Nguyễn Minh Ngọc A sinh ngày 04/7/2018 cho bà L M N D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận ý kiến của ông N M T về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Ghi nhận ý kiến của ông N M T về việc không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, ông T phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0021660 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án quận Bình Thạnh. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông N M T, bà L M N D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P. 11. Q. Bình Thạnh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA